TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2025
"V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đông

Bà Lê Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Giang Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: số nhà B, đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1971. Nơi cư trú: số nhà B, đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Huỳnh Văn L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng 02 năm nay không còn hạnh phúc, quan điểm sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N với ông L.

- Về con chung: Bà N và ông L có hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013. Các con đang sống chung với ông L nên bà N đồng ý giao hai con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con như ý của ông L.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông với bà N sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, nên ông L đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà N. Ông và bà N có nhiều mâu thuẫn như bà N trình bày là đúng; con chung: Ông và bà N có hai con chung đúng như lời trình bày của bà N, các con hiện đang sống với ông L, ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N với ông L; về con chung: giao Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013 cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con; án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà N khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L. Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền

theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông L bắt đầu sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, nhưng đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại điểm b, Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo Luật này, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Do vậy, hôn nhân giữa bà N với ông L là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận. Bà N và ông L đều thừa nhận sống chung từ năm 2009, không đăng ký kết hôn, nay cuộc sống của bà N và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nữa và yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của họ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N với ông L.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng bà N và ông L có 02 con chung: Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2025, Nguyễn Huỳnh Tiến Đ khai: Đ hiện đang sống chung nhà với bà N và ông L, Đ biết bà N và ông L có mâu thuẫn, cải nhau, Đ mong bà N và ông L không ly hôn, Đ muốn sống chung với cả bà N và ông L, Đ không còn ý kiến khác; Ông Huỳnh Văn L trình bày: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông L, bà đồng ý giao cho ông L nuôi hai con chung là Q và Đ. Bởi vì, ông L chăm sóc con tốt, cho ăn uống đàng hoàng, dạy dỗ tốt, nên bà yên tâm giao con cho ông L nuôi, bà không có ý kiến khác.

Tại văn bản ý kiến ngày 18/8/2025, Nguyễn Huỳnh Phú Q trình bày: Nếu bà N và ông L ly hôn, Q xin được sống với cha là ông Huỳnh Văn L. Hằng ngày do ông L đưa Q đi học, ông L chăm sóc rất tốt.

Căn cứ vào ý kiến của đương sự và ý kiến của con như nêu trên, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện của bà N và ông L và ý kiến của con, quyết định giao hai con chung Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013 cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo mọi mặt cho con chung như: Ổn định chổ ở, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học của con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N và ông L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà N và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000209 ngày 15/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà N đã nộp đủ án phí.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy N.

1.1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thúy N với ông Huỳnh Văn L.

1.2.Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Huỳnh Phú Q, sinh ngày 15/9/2010 và Nguyễn Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/3/2013 cho ông Huỳnh Văn L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy N với ông Huỳnh Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy N với ông Huỳnh Văn L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000209 ngày 15/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà N đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 1- Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- Tòa án ND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến